



TẠP CHÍ KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN
NHÂN LỰC

SCIENTIFIC JOURNAL OF
HUMAN RESOURCE
DEVELOPMENT

HOCHIMINH CITY CADRE ACADEMY

03⁽²¹⁾

2025

TÂM NHÌN

Học viện là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cao cấp của Thành phố Hồ Chí Minh góp phần kiến tạo phát triển đất nước và là trường chính trị đạt chuẩn quốc gia.

SỨ MẠNG

Học viện là đơn vị nòng cốt tham gia Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ lực tham gia nghiên cứu khoa học, cung cấp cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn, đề xuất về định hướng, chiến lược, chính sách phát triển và là nơi cung cấp những nhà lãnh đạo quản lý ưu tú cho Thành phố Hồ Chí Minh.



Tổng biên tập

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Hội đồng biên tập

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát
(Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Văn Ý
(Phó Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc
PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn
PGS.TS. Vũ Tình

PGS.TS. Vũ Thanh Sơn

PGS.TS. Trương Thị Hiền

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

TS. Bùi Thị Ngọc Trang

TS. Bùi Ngọc Hiến

TS. Phan Hải Hồ

TS. Trần Thị Hà Văn

TS. Lê Thị Hồng Hà

TS. Phạm Ngọc Lợi

TS. Trần Tuấn Duy

TS. Lê Thị Trúc Anh

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Giấy phép xuất bản

SỐ 551/GP-BTTTT do

Bộ Thông tin và Truyền thông
cấp ngày 26/11/2020, khổ 19 x 27cm
In tại Công ty TNHH Thiết Kế In Ấn
Phạm Hiến (57 Đường 35,
P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức)

Giá: 150.000đ

MỤC LỤC

ThS. Phạm Thị Vân Phản bác các luận điệu xuyên tạc đường lối ngoại giao Việt Nam trên cơ sở triết lý ngoại giao “cây tre Việt Nam”5

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang, ThS. Cao Văn Thống, TS. Phạm Thị Như Thúy, ThS. Trịnh Thanh Toàn, ThS. Nguyễn Thị Lê
Nhận thức, thái độ của công chúng về Không gian văn hóa Hồ Chí Minh tại Thành phố Hồ Chí Minh 19

TS. Võ Thanh Tuyền Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi số trong quản lý vận hành nhà chung cư tại Thành phố Hồ Chí Minh: tiếp cận theo mô hình UTAUT và TOE34

TS. Nguyễn Thị Toàn Thắng
Phát triển nguồn nhân lực sáng tạo ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế tri thức56

ThS. Cao Đỗ Quyền, PGS.TS. Võ Thị Ngọc Thúy
Tác động của các yếu tố đến quyết định lựa chọn điểm đến Cù lao Tân Triều67

TS. Lê Thị Kim Huệ Vận dụng tư tưởng giáo dục của Ph.Ăngghen đối với giáo dục Việt Nam hiện nay79

TS. Nguyễn Thị Duyên
Thực trạng sinh kế của hộ gia đình dân tộc thiểu số trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Thanh Hóa94

ThS. Nguyễn Thị Minh Châu
Việc làm và tiền lương của người lao động tỉnh Đồng Nai nhìn từ Khung Chương trình Quốc gia về Việc làm thỏa đáng 106

Đặng Thị Cẩm Vân, TS. Nguyễn Minh Nhựt
Nhận thức của cộng đồng dân cư thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An (cũ) về quản lý chất thải rắn sinh hoạt 116

ThS. Nguyễn Tấn Dân
Tác động thời tiết và môi trường ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân huyện Cần Giuộc (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh 129

NHẬN THỨC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THỊ TRẤN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN (CŨ) VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Ngày nhận bài: 10/6/2025; ngày nhận lại bài: 14/8/2025; ngày duyệt đăng: 20/8/2025

ĐẶNG THỊ CẨM VÂN^(*), NGUYỄN MINH NHỰT^(**)

TÓM TẮT

Bài viết tập trung đánh giá thực trạng nhận thức của cộng đồng dân cư thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (cũ) về quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRS). Thông qua phương pháp định tính với phỏng vấn sâu các nhóm đối tượng liên quan và phân tích tài liệu thứ cấp, nghiên cứu cho thấy rằng phần lớn người dân có nhận thức cơ bản về phân loại rác nhưng hành vi thực tế còn chưa đồng bộ. Các rào cản chính bao gồm thiếu cơ sở vật chất, hệ thống thu gom chưa phù hợp, thói quen sinh hoạt và thiếu chính sách hỗ trợ cụ thể. Nghiên cứu áp dụng Lý thuyết nhận thức xã hội để lý giải mối liên hệ giữa nhận thức, hành vi và môi trường xã hội trong vấn đề quản lý CTRSH, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện nhận thức và hành vi như tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể tại cộng đồng, xây dựng mô hình thí điểm phân loại rác tại nguồn, đồng bộ hệ thống thu gom và áp dụng các chính sách khuyến khích - chế tài phù hợp. Kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo trong xây dựng chính sách và chương trình truyền thông môi trường phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

Từ khóa: nhận thức; cộng đồng dân cư; thị trấn Bến Lức; quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

ABSTRACT

This study examines community awareness and perceptions of municipal solid waste (MSW) management in Bến Lức Town, Bến Lức District, formerly within Long An Province, Vietnam. Adopting a qualitative research approach with integration of in-depth interviews with key stakeholder groups and an analysis of secondary data, the findings indicate that while most residents demonstrate a basic understanding of waste segregation principles, their actual waste-handling practices remain fragmented and inconsistent. Key barriers identified include insufficient infrastructure, suboptimal waste collection systems, entrenched household habits, and the absence of targeted policy support. Drawing on social cognitive theory, the study elucidates the dynamic interrelationships between awareness, behavioral patterns, and the socio-environmental context in MSW

^(*) Học viên cao học, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP.HCM

^(**) Tiến sĩ, Phó trưởng Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

management. Based on these insights, the paper proposes a set of context-sensitive interventions, including intensified public education campaigns, clear community-based guidelines, pilot projects for waste separation at source, synchronized collection systems, and the implementation of balanced incentive–penalty mechanisms. The findings offer actionable implications for policymakers and practitioners seeking to design locally appropriate waste management strategies and environmental communication programs.

Keywords: *municipal solid waste management (MSW); community awareness; community engagement; waste separation; Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

CTRSH đang trở thành một trong những thách thức môi trường nghiêm trọng trên toàn cầu. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP, 2024), mỗi năm thế giới phát sinh hơn 2,1 tỷ tấn CTRSH và con số này được dự báo có thể lên tới 3,8 tỷ tấn vào năm 2050. Việc phát sinh khối lượng lớn CTRSH, nếu không được quản lý hiệu quả, sẽ gây ra những hệ lụy nghiêm trọng đến môi trường sống, sức khỏe cộng đồng và sự phát triển bền vững của các quốc gia.

Tại Việt Nam, CTRSH phát sinh khoảng 64.000 tấn mỗi ngày (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020), trong đó phần lớn chưa được phân loại, tái chế mà chủ yếu xử lý bằng phương pháp chôn lấp và đốt. Các hình thức xử lý này không chỉ tiêu tốn diện tích đất, chi phí vận hành, mà còn tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm đất, nước, không khí, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống của người dân. Nhằm giải quyết vấn đề này, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 đã xác lập yêu cầu phân loại CTRSH tại nguồn là trách nhiệm bắt buộc của các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai quy định này còn gặp nhiều khó khăn do nhận thức của cộng đồng về vai trò, trách nhiệm trong quản lý chất thải còn chưa đầy đủ; công tác tuyên truyền thiếu chiều sâu; hạ tầng phục vụ phân loại và thu gom còn thiếu đồng bộ; sự phối hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân còn hạn chế.

Nhận thức cộng đồng đóng vai trò then chốt trong quản lý CTRSH ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các hoạt động phân loại, thu gom và xử lý chất thải. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy còn nhiều thách thức trong việc nâng cao nhận thức và chuyển hóa nhận thức thành hành vi bền vững.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), nhận thức cộng đồng - đặc biệt tại khu vực nông thôn - còn hạn chế, tỷ lệ thu gom thấp và tình trạng đổ rác không đúng nơi quy định vẫn phổ biến. Trần Thị Mỹ Diên (2010) khẳng định CTRSH chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày, do đó cộng đồng giữ vai trò trung tâm trong quản lý, nhất là ở khâu phân loại tại nguồn.

Một số nghiên cứu địa phương cho thấy mặc dù đã có chuyển biến về nhận thức nhưng hành vi thực tế vẫn chưa ổn định. Tại tỉnh Long An, phân loại rác tại nguồn mới chỉ thực hiện thí điểm, người dân còn thói quen đổ rác bừa bãi hoặc đốt rác tại nhà, trong khi hoạt động tuyên truyền còn thiếu chiều sâu và tính lan tỏa (UBND tỉnh Long An, 2024). Tại Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu của Nguyễn Minh Nhựt (2023) cũng phản ánh tình trạng tương tự, người dân đã nghe đến khái niệm phân loại rác nhưng chưa duy trì được thói quen lâu dài, một phần do thiếu hệ thống thu gom phù hợp và truyền thông chưa đồng bộ.

Ngoài ra, Nguyễn Ngọc Thanh Phú (2024) cho thấy nhiều người dân chưa nắm rõ quy trình phân loại, lưu giữ và chuyển giao rác thải, dẫn đến xử lý chất thải còn mang tính tự phát, thiếu liên kết giữa hộ dân và đơn vị thu gom. Ở cấp độ chính sách, nghiên cứu của Lê Mạnh Tuyên & Mai Thị Chúc Hạnh (2020) khẳng định sự tham gia của cộng đồng là yếu tố quyết định thành công của quản lý CTRSH. Hạ tầng, chính sách và công nghệ sẽ không thể phát huy hiệu quả nếu không có sự phối hợp từ người dân.

Trên bình diện quốc tế, Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2018) nhấn mạnh vai trò của truyền thông cộng đồng và giáo dục môi trường trong việc hình thành hành vi bền vững. Tại Nhật Bản, Hàn Quốc và Thụy Điển, sự kết hợp hài hòa giữa giáo dục, chính sách pháp luật, công cụ kinh tế và hệ thống thu gom - xử lý đồng bộ đã góp phần nâng cao nhận thức và hình thành thói quen tích cực trong cộng đồng dân cư.

Tổng quan các nghiên cứu cho thấy nhận thức cộng đồng về CTRSH ở Việt Nam đã có những cải thiện nhất định nhưng chưa đủ sâu và chưa đồng đều giữa các vùng miền. Đặc biệt, việc chuyển đổi từ nhận thức sang hành vi bền vững còn gặp nhiều rào cản do hạn chế về hạ tầng, cơ chế khuyến khích và thiếu sự hỗ trợ kỹ thuật. Do đó, cần thiết phải đẩy mạnh giáo dục môi trường, truyền thông hiệu quả, đồng thời xây dựng hệ thống pháp lý - hạ tầng hỗ trợ tương thích, tạo điều kiện thuận lợi và động lực để người dân thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường một cách chủ động và lâu dài.

Thị trấn Bến Lức - trung tâm hành chính, kinh tế và dịch vụ của huyện Bến Lức, tỉnh Long An (cũ) là địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh, dân cư tập trung đông đúc, với lượng chất thải sinh hoạt phát sinh ước tính hơn 1.200 tấn/tháng (UBND thị trấn Bến Lức, 2024). Trong bối cảnh đó, công tác quản lý CTRSH tại địa phương ngày càng trở nên cấp thiết. Mặc dù chính quyền địa phương đã triển khai một số chương trình tuyên truyền, vận động phân loại rác tại nguồn, nhưng việc thực hiện vẫn còn mang tính hình thức, chưa lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng. Nhiều khu vực dân cư vẫn xảy ra tình trạng đổ rác không đúng nơi quy định, thu gom không hiệu quả; ý thức và hành vi của người dân trong phân loại và xử lý rác chưa được cải thiện rõ rệt.

Trước thực tiễn đó, bài nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng nhận thức của cộng đồng dân cư thị trấn Bến Lức về quản lý CTRSH. Đồng thời, nghiên cứu

phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người dân trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý rác tại nguồn. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc phục vụ cho việc xây dựng các chương trình truyền thông - giáo dục môi trường hiệu quả hơn, phù hợp với đặc điểm nhận thức và thói quen của người dân Bến Lức; đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy sự tham gia chủ động, tích cực của người dân trong phân loại rác tại nguồn, cải thiện hiệu quả hệ thống thu gom và xử lý rác hiện tại; hỗ trợ chính quyền địa phương trong việc xây dựng chính sách và quy định quản lý CTRSH bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hiện đại và nâng cao chất lượng môi trường sống cho người dân trong hiện tại và tương lai.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cách tiếp cận

2.1.1. Các khái niệm của nghiên cứu

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Theo Khoản 9, Điều 3 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, CTRSH là chất thải ở thể rắn hoặc bùn, phát sinh từ sinh hoạt hàng ngày của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức và cơ sở kinh doanh, dịch vụ. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ cũng hướng dẫn cụ thể về việc phân loại CTRSH tại nguồn. Theo đó, CTRSH được chia thành ba nhóm chính:

- *Chất thải có khả năng tái sử dụng hoặc tái chế*: Bao gồm các vật liệu như giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh... có thể đưa vào các quy trình tái chế để tái sử dụng tài nguyên và giảm thiểu lượng rác thải cần xử lý.

- *Chất thải thực phẩm*: Gồm các loại rác hữu cơ dễ phân hủy như rau củ, thức ăn thừa, vỏ trái cây... có thể được xử lý thông qua ủ compost hoặc sử dụng làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ.

- *Chất thải còn lại (không thể tái chế hoặc tái sử dụng)*: Bao gồm các loại rác thải như bìm, vệ sinh cá nhân, gốm sứ vỡ, đồ dùng nhựa khó phân hủy... cần được xử lý bằng chôn lấp hợp vệ sinh hoặc công nghệ đốt phù hợp.

b. Nhận thức cộng đồng

Nhận thức cộng đồng là cách mà một nhóm người hiểu, diễn giải và đánh giá các vấn đề xã hội, phản ánh hệ thống giá trị, niềm tin và thái độ hình thành thông qua quá trình xã hội hóa, giáo dục, truyền thông và trải nghiệm thực tiễn (Giddens, Duneier, Appelbaum, & Carr, 2017). Theo nhà xã hội học Emile Durkheim (1893), nhận thức cộng đồng bắt nguồn từ các chuẩn mực và giá trị tập thể, đóng vai trò định hướng hành vi cá nhân trong khuôn khổ xã hội. Trong khi đó, Max Weber (1978) nhấn mạnh tính đa dạng và phức tạp của nhận thức cộng đồng, cho rằng nhận thức chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi bối cảnh văn hóa, vị thế xã hội và nhóm lợi ích.

Nhận thức cộng đồng không mang tính bất biến mà có thể thay đổi theo thời gian, dưới

tác động của các yếu tố như trình độ giáo dục, truyền thông đại chúng, môi trường sống và chính sách công. Nhận thức đúng đắn có khả năng thúc đẩy các hành vi tích cực, đặc biệt trong lĩnh vực môi trường - nơi mà hành vi cá nhân có thể tạo ra ảnh hưởng lan tỏa trong cộng đồng.

c. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Quản lý CTRSH là quá trình tổ chức, điều phối và kiểm soát toàn bộ các hoạt động liên quan đến chất thải phát sinh từ sinh hoạt hằng ngày của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức và cơ sở dịch vụ. Mục tiêu của hoạt động này là bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thúc đẩy phát triển bền vững.

Theo Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, quản lý CTRSH bao gồm các bước chính: phát sinh, phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ tạm thời, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý cuối cùng. Trong đó, nguyên tắc quản lý hiện đại nhấn mạnh việc giảm thiểu phát sinh rác, tối ưu hóa tái chế và tái sử dụng, đồng thời hạn chế chôn lấp và đảm bảo trách nhiệm của cả người phát sinh và cơ quan quản lý trong toàn bộ vòng đời chất thải.

Quản lý CTRSH là một phần trong quản lý tổng hợp chất thải đô thị, nơi Nhà nước đóng vai trò trung tâm trong xây dựng thể chế, chính sách, tổ chức thực thi và giám sát. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan: chính quyền địa phương, doanh nghiệp dịch vụ môi trường và đặc biệt là cộng đồng dân cư - lực lượng trực tiếp tham gia vào phân loại rác tại nguồn và thay đổi hành vi tiêu dùng (Trần Thị Mỹ Diên, 2010). Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng và sức ép môi trường ngày càng tăng, quản lý CTRSH cần chuyển hướng sang mô hình quản lý dựa vào cộng đồng và ứng dụng công nghệ, nhằm tăng tính minh bạch, tiết kiệm chi phí và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

2.1.2. Lý thuyết nhận thức xã hội

Lý thuyết nhận thức xã hội được phát triển chủ yếu bởi Albert Bandura (1986) nhằm giải thích cách cá nhân học hỏi, tiếp thu thông tin từ môi trường xã hội và điều chỉnh hành vi dựa trên quá trình quan sát, mô phỏng hành vi của người khác. Bandura cho rằng hành vi của con người không chỉ bị chi phối bởi các yếu tố tâm lý cá nhân, mà còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố xã hội và văn hóa.

Trong nghiên cứu “Nhận thức của cộng đồng dân cư thị trấn Bến Lức về quản lý chất thải rắn sinh hoạt”, Lý thuyết nhận thức xã hội giúp phân tích mức độ tiếp thu thông tin môi trường và cách người dân thay đổi hành vi dựa trên tác động xã hội:

- Tác động của mô hình học tập quan sát: Nếu chính quyền địa phương triển khai các chiến dịch truyền thông mạnh mẽ về phân loại rác thông qua những cá nhân có tầm ảnh hưởng (trưởng khu phố, giáo viên, doanh nghiệp môi trường), người dân sẽ có xu hướng học theo và thay đổi hành vi.

- Phản hồi xã hội tác động đến hành vi phân loại rác: Nếu việc phân loại rác được khuyến khích bằng các chính sách hỗ trợ, như giảm phí thu gom rác cho hộ gia đình phân loại đúng, người dân sẽ có động lực thực hiện hơn. Ngược lại, nếu cộng đồng không quan tâm hoặc không có biện pháp khuyến khích, việc phân loại rác có thể không đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường tính tự hiệu quả để thúc đẩy hành vi tích cực: Cung cấp thùng rác phân loại, hệ thống thu gom phù hợp, hướng dẫn cụ thể sẽ giúp người dân cảm thấy việc phân loại rác dễ thực hiện, từ đó tăng tỷ lệ tham gia.

Lý thuyết nhận thức xã hội của Bandura giúp giải thích cách cá nhân học hỏi và điều chỉnh hành vi thông qua tác động xã hội. Khi áp dụng vào nghiên cứu quản lý chất thải rắn sinh hoạt, lý thuyết này giúp xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi phân loại rác, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng hiệu quả hơn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp định tính, nhằm tìm hiểu sâu sắc về nhận thức và hành vi của cộng đồng trong quản lý CTRSH tại thị trấn Bến Lức. Các phương pháp cụ thể bao gồm:

- Phỏng vấn sâu bán cấu trúc: Tác giả tiến hành phỏng vấn sâu theo hình thức bán cấu trúc đối với 04 nhóm đối tượng chính: (1) Người dân địa phương: 10 người được lựa chọn dựa trên sự đa dạng về đặc điểm nhân khẩu học và kinh tế - xã hội. Cụ thể, các đối tượng phỏng vấn có độ tuổi từ trên 20 đến 60 tuổi, đại diện cho 10 ấp, khu phố khác nhau trên địa bàn thị trấn Bến Lức (bao gồm cả khu vực trung tâm và ven đô). Thành phần nghề nghiệp và vai trò xã hội của những người được phỏng vấn cũng rất đa dạng, bao gồm: sinh viên, đại diện chi hội phụ nữ (nội trợ), chủ hộ kinh doanh nhà trọ, nhân viên văn phòng, cán bộ công chức, và cán bộ hưu trí. Sự đa dạng này giúp nghiên cứu thu thập được góc nhìn toàn diện về nhận thức và hành vi phân loại rác từ các nhóm dân cư khác nhau, tăng độ tin cậy và khả năng khái quát hóa của dữ liệu; (2) Đại diện khu phố thuộc thị trấn Bến Lức; (3) Đại diện đơn vị thu gom rác (Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức); (4) Cán bộ thuộc cơ quan quản lý môi trường cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Bến Lức). Các cuộc phỏng vấn tập trung khai thác nhận thức về phân loại rác, hành vi thực tế của người dân, đánh giá hiệu quả hệ thống thu gom hiện nay và các rào cản trong thực tiễn triển khai quản lý CTRSH. Dữ liệu được ghi âm và phân tích nhằm xác định các yếu tố tác động đến hành vi quản lý chất thải của cộng đồng.

- Phân tích tài liệu thứ cấp: Nghiên cứu đồng thời tiến hành phân tích các tài liệu thứ cấp bao gồm: số liệu thống kê, báo cáo chuyên ngành, kế hoạch quản lý môi trường của UBND huyện Bến Lức và thị trấn Bến Lức, các quy định pháp luật hiện hành, cũng như các nghiên cứu học thuật có liên quan. Việc phân tích tài liệu nhằm đối chiếu, bổ sung và

làm rõ thêm các kết quả thu được từ phỏng vấn sâu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Lý thuyết nhận thức xã hội của Albert Bandura (1986) nhấn mạnh rằng hành vi của con người chịu sự chi phối đồng thời từ ba yếu tố: cá nhân (nhận thức), hành vi, và môi trường xã hội - tạo nên mô hình tương tác ba chiều (triadic reciprocal causation). Trong bài viết nghiên cứu về nhận thức của người dân thị trấn Bến Lức về quản lý CTRSH, lý thuyết này được vận dụng như một khung phân tích trọng tâm, cho phép giải thích khoảng cách giữa nhận thức và hành vi, cũng như những yếu tố xã hội tác động lên hành vi môi trường của cư dân. Dưới đây là phân tích kết quả nghiên cứu dựa trên khung lý thuyết này.

3.1. Nhận thức và hành vi phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn

Theo lý thuyết học xã hội của Bandura, hành vi được hình thành thông qua quan sát (observational learning), và khả năng thực hiện hành vi phụ thuộc vào mức độ tin tưởng vào hiệu quả bản thân (self-efficacy). Dữ liệu từ phỏng vấn tại các khu phố (KP) thị trấn Bến Lức cho thấy người dân có hiểu biết tương đối rõ ràng về việc phân loại CTRSH:

“Tôi thấy là chia thành 3 loại: hữu cơ, vô cơ và tái chế” (Nam, 20 tuổi, KP9). *“Rác hữu cơ là phần bỏ đi của thực phẩm, rác vô cơ là chất thải không thể tái chế, rác tái chế là các vật liệu có thể tái sử dụng”* (Nam, 60 tuổi, KP6). *“Rác hữu cơ phân hủy được, rác vô cơ không tự phân hủy, rác tái chế có thể tái sử dụng”* (Nữ, 36 tuổi, KP8).

Tuy nhiên, hành vi thực tế lại chưa phản ánh đầy đủ mức độ nhận thức đó:

“Gia đình có phân loại rác, dùng ít nhất 2 thùng đựng rác riêng biệt” (Nữ, 48 tuổi, KP3). *“Gia đình có phân loại rác thành 3 loại: hữu cơ, vô cơ, và tái chế, nhưng chưa triệt để”* (Nữ, 42 tuổi, KP9). *“Gia đình phân loại rác thành 2 loại: hữu cơ và vô cơ”* (Nữ, 44 tuổi, KP4). *“Gia đình mình thực hiện mới đây thôi... hữu cơ để làm phân, tái chế thì bán ve chai”* (Nam, 20 tuổi, KP9).

Các ý kiến từ chính quyền và tổ chức thu gom cũng cho thấy hành vi phân loại chưa phổ biến:

“Người dân chưa thực hiện phân loại rác đúng quy định, chỉ phân loại rác hữu cơ và tái chế” (Đại diện Phòng Nông nghiệp và Môi trường). *“Người dân có nhận thức sơ bộ về phân loại rác qua phương tiện thông tin đại chúng, nhưng chỉ phân loại rác hữu cơ và vô cơ”* (Công ty Đô thị Bến Lức). *“Hành vi phân loại rác tại hộ gia đình còn rất thấp”* (Đại diện KP6).

Thậm chí, một bộ phận người dân hoàn toàn không thực hiện phân loại:

“Gia đình không thực hiện phân loại rác tại nhà vì thói quen” (Nam, 35 tuổi, KP2). *“Gia đình không thực hiện phân loại rác vì cơ quan thu gom rác chưa phân loại tại nguồn”* (Nam, 60 tuổi, KP6).

Những kết quả này cho thấy sự chuyển hóa từ nhận thức sang hành vi còn hạn chế,

chủ yếu do thiếu các mô hình hành vi tích cực để quan sát và môi trường hỗ trợ chưa đầy đủ. Mức độ tin tưởng vào khả năng thực hiện của bản thân (self-efficacy) còn thấp khi người dân cảm thấy thiếu kiểm soát hoặc không có điều kiện thuận lợi để thực hiện hành vi phân loại một cách dễ dàng và nhất quán.

Bên cạnh đó, quá trình học tập qua các kênh truyền thông xã hội như Facebook, Zalo hay các buổi tuyên truyền cộng đồng chưa cung cấp được các minh chứng thực tế (vicarious reinforcement) nhằm củng cố hành vi đúng:

“Thông tin chủ yếu qua các buổi họp khu phố và tuyên truyền trên mạng, nhưng chưa có ai hướng dẫn cụ thể cách phân loại” (Nữ, 48 tuổi, KP3). *“Có tham gia tập huấn, tuyên truyền nhưng người dân chưa được hướng dẫn cách phân loại”* (Đại diện KP6). *“Tuyên truyền thông qua các hội, đoàn thể, nhưng chưa tiếp cận trực tiếp người dân”* (Đại diện Phòng Nông nghiệp và Môi trường).

Tóm lại, tuy người dân đã bắt đầu có nhận thức đúng về phân loại chất thải, nhưng hành vi vẫn chưa được hình thành rõ ràng và ổn định. Nguyên nhân nằm ở quá trình học tập xã hội chưa đầy đủ do thiếu hình mẫu hành vi rõ ràng, thiếu hệ thống hỗ trợ hạ tầng và chính sách, cũng như thiếu sự tham gia chủ động của các tổ chức trung gian. Để cải thiện tình hình này, cần một chiến lược can thiệp toàn diện hơn, bao gồm: phát triển các hình mẫu cộng đồng tiêu biểu, củng cố cơ sở hạ tầng và cơ chế thu gom đồng bộ, đồng thời xây dựng các chương trình hướng dẫn thực hành trực tiếp nhằm nâng cao niềm tin vào hiệu quả bản thân (self-efficacy) trong cộng đồng.

3.2. Nhận thức về hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Người dân tại thị trấn Bến Lức thể hiện mức độ nhận thức tương đối rõ ràng về lịch trình thu gom rác thải sinh hoạt - một dấu hiệu cho thấy họ đang tham gia vào cấu trúc chia sẻ thông tin ở cấp cộng đồng. Tuy nhiên, quá trình này thiếu phản hồi từ hệ thống quản lý, dẫn đến việc hành vi chưa được duy trì một cách bền vững:

“Biết quy trình thu gom rác 3 lần mỗi tuần” (Nữ, 50 tuổi, KP2). *“Gia đình tôi biết lịch trình thu gom rác vào thứ Ba, thứ Năm và thứ Bảy”* (Nam, 35 tuổi, KP2). *“Biết quy trình thu gom nhưng không rõ về lịch trình và khối lượng thu gom trong những ngày cao điểm”* (Nữ, 42 tuổi, KP9). *“Chỉ biết thu gom thôi, còn rác sẽ đi đâu và xử lý thế nào thì không rõ”* (Nữ, 50 tuổi, KP2). *“Người dân biết về quy trình thu gom, nhưng không biết rác được xử lý như thế nào sau khi thu gom”* (Đại diện KP6).

Theo Bandura, việc thiếu phản hồi từ môi trường xã hội có thể làm gián đoạn chuỗi học tập hành vi. Nếu người dân không nhận thấy kết quả tích cực từ hành vi - chẳng hạn như môi trường được cải thiện, sự ghi nhận từ chính quyền, hoặc tác động cụ thể đến chất lượng sống - thì động lực thực hiện hành vi sẽ suy giảm theo thời gian.

Mặc dù người dân thể hiện thái độ tích cực với đội ngũ thu gom và có sự phối hợp nhất định ở cấp cơ sở, hành vi sai lệch vẫn tồn tại, phản ánh sự thiếu nhất quán trong việc mô

hình hóa và củng cố hành vi đúng:

“Người dân nhìn chung hài lòng với việc thu gom rác nhưng một số hộ dân không thực hiện đóng tiền và đổ rác sai quy định” (Công ty Đô thị Bến Lức). “Rác thải sinh hoạt gây tắc nghẽn cống, ảnh hưởng đến môi trường nước, và ô nhiễm không khí” (Nữ, 35 tuổi, KP9). “Người dân không nắm rõ tình trạng rác... không phân loại, bỏ chung” (Nam, 20 tuổi, KP9).

Các phản hồi trên cho thấy người dân đã tiếp cận được thông tin có tính quy chuẩn về hệ thống thu gom, nhưng lại thiếu liên kết giữa hành vi cá nhân và tác động xã hội rộng hơn. Sự vắng mặt của phản hồi tích cực, hình mẫu hành vi điển hình, cùng với việc không có cơ chế khuyến khích hay chế tài rõ ràng đã khiến các hành vi đúng - như phân loại hoặc tuân thủ quy định về giờ và điểm thu gom - không trở thành phổ biến.

Để cải thiện nhận thức và hành vi của người dân, cần thiết lập các cơ chế phản hồi hai chiều trong quản lý chất thải, đồng thời thúc đẩy việc hình thành các hình mẫu hành vi tốt trong cộng đồng. Cùng với đó, hệ thống thưởng - phạt minh bạch và truyền thông mang tính tương tác sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố động lực hành vi lâu dài.

3.3. Nhận thức về tác động môi trường của chất thải rắn sinh hoạt

Theo Bandura, “kỳ vọng hậu quả” (outcome expectancy) đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành và duy trì hành vi. Khi cá nhân nhận thức rõ hậu quả tiêu cực của hành vi sai lệch, họ sẽ có xu hướng thay đổi hành vi để tránh hậu quả đó. Tại thị trấn Bến Lức, nhiều người dân thể hiện nhận thức rõ ràng về các tác động môi trường nếu rác thải không được xử lý đúng cách:

“Rác thải gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe” (Nam, 35 tuổi, KP2). “Rác chưa được xử lý gây dịch bệnh và ô nhiễm đất, nước, không khí” (Nữ, 48 tuổi, KP3). “Rác sinh hoạt gây tắc nghẽn cống, ô nhiễm nước và không khí” (Nữ, 35 tuổi, KP9). “Rác gây bệnh hô hấp, ô nhiễm không khí, phát sinh ruồi nhặng” (Nữ, 36 tuổi, KP8). “Người dân quan tâm đến tác động của rác đối với sức khỏe và môi trường” (Đại diện KP6).

Đáng chú ý, một số cá nhân bắt đầu cá nhân hóa mối quan tâm môi trường - một biểu hiện cho thấy nhận thức đang dịch chuyển sang cảm xúc và định hình hành vi. Họ chủ động tìm hiểu thông tin từ nhiều kênh khác nhau:

“Tôi tìm hiểu qua Google, Facebook, Zalo” (Nam, 20 tuổi, KP9). “Tôi nhận thông tin từ internet, bạn bè và các buổi tuyên truyền” (Nam, 35 tuổi, KP2; Nữ, 48 tuổi, KP3). “Tôi theo dõi truyền hình, mạng xã hội và đài truyền thanh địa phương” (Nữ, 42 tuổi, KP9; Nữ, 44 tuổi, KP4).

Điều này phản ánh quá trình hình thành mối liên hệ trực tiếp giữa hành vi cá nhân và hậu quả xã hội - một yếu tố thiết yếu trong mô hình học tập xã hội của Bandura. Khi người dân cảm thấy hành vi của mình thực sự ảnh hưởng đến môi trường sống xung

quanh, họ sẽ có động lực mạnh mẽ hơn để thay đổi.

Tóm lại, kết quả phỏng vấn cho thấy người dân thị trấn Bến Lức đã nhận thức cơ bản về tác động tiêu cực của rác thải sinh hoạt và bắt đầu phát triển mối liên kết cảm xúc với vấn đề môi trường. Đây là nền tảng quan trọng để chuyển hóa nhận thức thành hành vi tích cực, nếu được dẫn dắt đúng thông qua truyền thông tương tác, mô hình hành vi và phản hồi từ cộng đồng.

3.4. Hành vi thực tế và các rào cản xã hội

Mặc dù nhận thức về tầm quan trọng của phân loại và xử lý CTRSH đã hình thành ở một bộ phận người dân, hành vi thực tế vẫn chưa ổn định. Theo lý thuyết học tập xã hội của Bandura, điều này phản ánh sự thiếu hụt ở ba thành tố then chốt: niềm tin vào hiệu quả bản thân (self-efficacy), môi trường hỗ trợ hành vi và cơ chế phản hồi xã hội. Các rào cản hiện nay có thể được phân loại thành bốn nhóm chính:

(1) Thiếu cơ sở vật chất và hạ tầng hỗ trợ

Phần lớn người được phỏng vấn cho rằng họ chưa có đủ điều kiện vật chất để thực hiện phân loại rác tại nguồn. Thiếu thùng rác phân loại, phương tiện chuyên chở phù hợp, và tài liệu hướng dẫn trực quan là những vấn đề phổ biến:

“Cần trang bị thùng rác đầy đủ, xe thu gom riêng biệt cho từng loại rác” (Nữ, 48 tuổi, KP3). *“Người dân chưa được cung cấp đầy đủ thông tin và thiếu phương tiện chứa rác phân loại”* (Đại diện Phòng Nông nghiệp và Môi trường).

(2) Môi trường xã hội không củng cố hành vi đúng

Ngay cả khi người dân có ý thức phân loại, hệ thống thu gom chưa hỗ trợ đúng quy trình, khiến hành vi không được duy trì. Việc gom chung rác thải sau phân loại dẫn đến sự hoài nghi về hiệu quả hành động cá nhân:

“Gia đình không thực hiện phân loại vì cơ quan thu gom rác chưa phân loại tại nguồn” (Nam, 60 tuổi, KP6). *“Công tác thu gom hiện nay không hỗ trợ phân loại rác, rác được gom chung”* (Đại diện KP6).

(3) Thói quen và tập quán trong xã hội truyền thống

Hành vi phân loại rác chưa trở thành chuẩn mực xã hội phổ biến, mà chỉ tập trung ở một số nhóm nhỏ như cán bộ, đảng viên. Việc tái chế chỉ giới hạn ở mục đích kinh tế (bán phế liệu), chưa xuất phát từ ý thức bảo vệ môi trường:

“Gia đình không thực hiện phân loại vì thói quen” (Nam, 35 tuổi, KP2). *“Người dân hiện chỉ tách rác tái chế để bán, phần còn lại không phân loại”* (Công ty Đô thị Bến Lức).

(4) Thiếu cơ chế động viên hoặc chế tài rõ ràng

Việc không có chế tài ràng buộc hay khuyến khích khiến người dân thiếu động lực thay đổi hành vi. Nhiều ý kiến đề xuất cần có chính sách thưởng - phạt, lắp đặt thiết bị giám sát và tăng cường truyền thông:

“Cần có chế tài và hướng dẫn về phân loại rác, đầu tư thêm cơ sở hạ tầng” (Nam, 35 tuổi, KP2). “Không có chế tài bắt buộc người dân thực hiện” (Đại diện Phòng Nông nghiệp và Môi trường).

Tổng hợp các phân tích trên cho thấy rõ những rào cản môi trường điển hình như Bandura mô tả - nơi hành vi đúng không được mô hình hóa, củng cố hoặc phản hồi tích cực. Mặc dù nền tảng nhận thức đã được hình thành, hành vi phân loại rác chưa thể trở thành thói quen bền vững do: (1) niềm tin vào khả năng bản thân còn yếu; (2) thiếu mô hình hành vi và hỗ trợ hệ thống; (3) không có chính sách thúc đẩy hành vi từ bên ngoài; và (4) thói quen cộng đồng vẫn giữ nếp cũ. Những yếu tố này cản trở quá trình học tập xã hội và làm gián đoạn sự lan tỏa của hành vi tích cực trong cộng đồng.

Bài nghiên cứu áp dụng Lý thuyết nhận thức xã hội giúp lý giải tại sao hành vi phân loại rác tại nguồn ở thị trấn Bến Lức còn chưa hiệu quả: do thiếu sự kết nối giữa nhận thức - hành vi - môi trường xã hội. Để phát triển bền vững cần tăng khả năng “niềm tin vào hiệu quả bản thân” (self-efficacy) của người dân về phân loại rác. Chính quyền cần cung cấp đầy đủ hạ tầng thiết yếu, bố trí các điểm tập kết rác thuận tiện. Thứ hai, thiết lập các cơ chế phản hồi tích cực sẽ khuyến khích người dân duy trì hành vi tốt như giảm phí thu gom rác cho những hộ gia đình thực hiện tốt hoặc tuyên dương công khai những cá nhân, tập thể điển hình. Thứ ba cần triển khai mô hình hành vi mẫu trong cộng đồng thông qua việc xây dựng và nhân rộng các mô hình hộ gia đình, khu dân cư thực hiện phân loại rác hiệu quả, mời họ chia sẻ kinh nghiệm. Việc này sẽ tạo động lực và hình thành các hình mẫu cụ thể để người dân khác có thể học hỏi và làm theo. Cuối cùng là cần kết hợp truyền thông đại chúng để nâng cao nhận thức về lợi ích của phân loại hướng dẫn trực tiếp tại từng hộ gia đình hoặc nhóm nhỏ, giải đáp thắc mắc và hỗ trợ kịp thời, giúp người dân áp dụng đúng cách.

Cấu trúc hỗ trợ này sẽ tạo nên một hệ sinh thái hành vi bền vững - như Bandura nhấn mạnh - nơi cá nhân cảm thấy có khả năng, có động lực và có sự công nhận xã hội khi tham gia quản lý chất thải đúng cách.

5. Kết luận

Bài nghiên cứu đã cho thấy bức tranh tổng thể về thực trạng nhận thức và hành vi của cộng đồng dân cư thị trấn Bến Lức trong công tác quản lý CTRSH, đồng thời chứng minh tính hiệu lực khi vận dụng Lý thuyết nhận thức xã hội của Bandura làm nền tảng phân tích.

Một mặt, người dân đã có nhận thức cơ bản về phân loại rác tại nguồn, nhận diện được các loại rác (hữu cơ, vô cơ, tái chế) và nhận thức được tác động tiêu cực của rác thải đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. Mặt khác, hành vi thực tế vẫn chưa được hình thành ổn định, thể hiện qua việc phân loại chưa đúng cách, thói quen xả rác chưa thay đổi và tỷ lệ hợp tác trong thu gom còn chưa cao.

Tác giả phân tích dưới khung lý thuyết của Bandura cho thấy ba yếu tố trung tâm - cá nhân (self-efficacy), hành vi và môi trường xã hội - chưa hình thành sự tương tác tích cực. Mức độ “niềm tin vào hiệu quả bản thân” của người dân còn thấp, môi trường chưa cung cấp các yếu tố củng cố như: hướng dẫn cụ thể, chính sách khuyến khích - chế tài, hình mẫu hành vi chuẩn. Hơn nữa, sự thiếu đồng bộ trong hệ thống thu gom - xử lý, truyền thông thiếu chiều sâu, và sự phối hợp chưa hiệu quả giữa các cấp chính quyền, đoàn thể và đơn vị thu gom cũng cản trở quá trình chuyển hóa từ nhận thức sang hành vi.

Trên cơ sở đó, để thúc đẩy sự tham gia bền vững của cộng đồng trong quản lý CTRSH, cần tăng cường “niềm tin vào hiệu quả bản thân” (self-efficacy) của người dân, chính quyền cần cung cấp đầy đủ hạ tầng thiết yếu, bố trí điểm tập kết thuận tiện. Đồng thời thiết lập các cơ chế phản hồi tích cực để khuyến khích người dân duy trì hành vi tốt như cấp giấy chứng nhận, áp dụng chính sách giảm phí thu gom rác cho những hộ tuân thủ tốt, tuyên dương công khai những cá nhân, tập thể điển hình trên các phương tiện truyền thông địa phương; xây dựng và nhân rộng các mô hình hộ gia đình, tổ dân phố thực hiện phân loại rác hiệu quả. Việc này sẽ tạo động lực và hình thành các hình mẫu cụ thể để người dân khác có thể học hỏi và làm theo. Mặt khác, để đạt hiệu quả tối ưu, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa truyền thông rộng rãi và hướng dẫn cá nhân. Các chiến dịch truyền thông trên loa đài, báo chí địa phương cần nâng cao nhận thức về lợi ích của phân loại rác. Đồng thời, tổ chức các buổi hướng dẫn trực tiếp tại từng hộ gia đình hoặc nhóm nhỏ, giải đáp thắc mắc và hỗ trợ kịp thời, giúp người dân áp dụng đúng cách. Cuối cùng là củng cố tính đồng bộ của hệ thống thu gom và xử lý, đảm bảo khớp nối giữa hành vi phân loại của người dân và năng lực tiếp nhận - xử lý từ đơn vị quản lý.

Bài nghiên cứu không chỉ cung cấp dữ liệu thực tiễn quan trọng phục vụ hoạch định chính sách truyền thông - giáo dục môi trường tại địa phương, mà còn khẳng định rằng hành vi quản lý chất thải chỉ có thể hình thành và duy trì bền vững khi cá nhân cảm thấy có năng lực thực hiện, được xã hội khuyến khích và có môi trường hỗ trợ phù hợp - đúng như mô hình tương tác ba chiều mà Bandura đã khẳng định.

Tài liệu tham khảo

- Bandura, A. (1986). *Social Foundations of Thought and Action: A Social Cognitive Theory*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2019*. Truy xuất từ <http://www.monre.gov.vn/Pages/cong-bo-bao-cao-hien-trang-moi-truong-quoc-gia-nam-2019.aspx>, trích đọc ngày 25/6/2025.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020*. Nhà Xuất bản Dân trí.
- Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2022). *Nghị định số 08/2022/NĐ-*

- CP ngày 10/01/2022 hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.
- Durkheim, É. (1893). *The Division of Labor in Society*. Truy xuất từ <https://durkheim.uchicago.edu/Summaries/dl.html>, trích đọc ngày 25/6/2025.
- Giddens, A., Duneier, M., Appelbaum, R. P., & Carr, D. (2017). *Introduction to Sociology* (10th ed.).
- Lê Mạnh Tuyên, Mai Thị Chúc Hạnh (2020). Nâng cao vai trò của cộng đồng trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt. *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 17, tháng 7 năm 2020.
- Ngân hàng Thế giới (2018). *Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp nguy hại các phương án và hành động nhằm thực hiện chiến lược quốc gia*. Nhà Xuất bản Hồng Đức.
- Nguyễn Minh Nhựt (2023). “Tác động của chủ trương, chính sách đối với cộng đồng dân cư đô thị thành phố Hồ Chí Minh về hoạt động bảo vệ môi trường hiện nay”. *Tạp chí Giáo dục Đại học Sài Gòn*, số 86 tập 1.
- Nguyễn Ngọc Thanh Phú (2024). *Pháp luật về chất thải rắn sinh hoạt từ thực tiễn tỉnh Long An* (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, mã số b1038286.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2020). *Luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ môi trường*.
- Trần Thị Mỹ Diên (2010). *Quản lý chất thải rắn sinh hoạt*. Nhà Xuất bản Đại học Văn Lang.
- UBND thị trấn Bến Lức (2024). *Báo cáo số 1674/BC-UBND ngày 30/12/2024 về kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng thị trấn Bến Lức đạt chuẩn đô thị văn minh*.
- UBND tỉnh Long An (2024). *Kế hoạch số 3788/KH-UBND ngày 19/12/2024 về kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2024*.
- United Nations Environment Programme (2024). *Waste Management Outlook for Mountain Regions: Sources and Solutions*.
- Weber, M. (1978). *Economy and Society: An Outline of Interpretive Sociology* (G. Roth & C. Wittich, Eds.). University of California Press.

